

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2024

V/v: “Tranh chấp xác định cha cho con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hạng Minh Thu- ông Trương Bé Thiện

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung, chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Xác định cha- con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1984, nơi thường trú: tổ X, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Âu Xuân H1, sinh năm 1984, Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1992, nơi thường trú: xóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, chỗ ở: Vinhomes S, phường T, quận N, HN

4. Người làm chứng: Bà Dương Thị B

Nơi thường trú: tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Các đương sự và người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Âu Xuân H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T năm 2007, trong quá trình chung sống giữa chị và anh H1 có nhiều mâu thuẫn vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã giải quyết cho chị Lê Thị Thanh H và anh Âu Xuân H1 được ly hôn, về con chung giao cho anh H1 chăm sóc, nuôi

dưỡng 02 con chung là Âu Thảo V, sinh ngày 04/12//2008 và Âu Dương P, sinh ngày 07/2/2011 theo Bản án số 79/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021

Trước khi ly hôn, trong quá trình ly thân chị có quen anh Nguyễn Văn H2 và hai người phát sinh quan hệ tình cảm, đến ngày 14/01/2020 chị sinh được một con chung có tên dự sinh là Nguyễn Hoàng A. Sau khi giải quyết ly hôn đến ngày 8/3/2022 chị H sinh được 02 con gái có tên dự sinh là Nguyễn Hoài A1 và Nguyễn Khánh L. Do mang thai cháu Nguyễn Hoàng A trong thời gian chưa ly hôn với anh H1 và 02 cháu Nguyễn Hoài A1, Nguyễn Khánh L sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân với anh H1 nên chị không làm được thủ tục khai sinh cho các con. Do đó, anh Nguyễn Văn H2 làm thủ tục giám định ADN, ngày 07/8/2023 có kết quả giám định xác định quan hệ huyết thống của anh H2 và các con nhưng khi đi khai sinh các con vẫn xác định anh H1 là cha và mang họ của anh Âu Xuân H1.

Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các con và xác định rõ quan hệ huyết thống chị đề nghị Tòa án xác định: anh Nguyễn Văn H2 là cha đẻ của 03 cháu Âu Khánh L1 (tức Nguyễn Khánh L), Âu Hoàng A2 (tức Nguyễn Hoàng A), Âu Hoài A3 (tức Nguyễn Hoài A1).

Tại biên bản làm việc ngày 24/6/2024 anh Âu Xuân H1 anh xác định: Anh và chị Lê Thị Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T vào năm 2007, chị H bỏ nhà đi từ năm 2017 sau đó không liên hệ gì với gia đình, vợ chồng sống ly thân, đến năm 2021 anh đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị H không hợp tác và đề nghị giải quyết vắng mặt, đến ngày 27/8/2021 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã xét xử cho anh và chị Lê Thị Thanh H được ly hôn, anh được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Âu Thảo V và Âu Dương P. Ngoài 02 con chung trên, giữa anh và chị H không có con chung nào khác, quá trình từ khi sống ly thân cho đến nay giữa anh và chị H không có liên hệ gì với nhau, chị H cũng không về thăm con lần nào, do đó anh không biết chị H đã sinh thêm 03 con và đều đi khai sinh mang họ của anh. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xác định 03 cháu Âu Hoàng A2, Âu K, Âu Hoài A3 không phải là con anh nhất trí, còn chị H xác định đó là con của ai đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H2 trình bày: Anh và chị H quen biết nhau từ 2019, do biết chị H có mâu thuẫn và sống ly thân với chồng từ năm 2017 nên giữa anh và chị H phát sinh quan hệ tình cảm và sống chung. Trong quá trình chị H và anh H1 chưa ly hôn, ngày 14/01/2020 chị H có sinh một cháu gái có tên dự sinh là Nguyễn Hoàng A, đến giữa năm 2021 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết cho chị H ly hôn với anh H1 (chồng cũ), đến ngày 18/3/2022 chị H sinh đôi được 02 con gái đặt tên dự sinh là Nguyễn Khánh L, Nguyễn Hoài A1. Đến ngày 07/12/2022 giữa anh và chị H đã đăng ký kết hôn tại UBND phường T nhưng vẫn không làm thủ tục khai sinh được cho các con mang họ của anh nên ngày 04/8/2023 anh đã làm thủ tục giám định ADN để

xác định quan hệ huyết thống. Tại các Kết quả phân tích ADN của Công ty TNHH Đ ngày 07/8/2023 đều xác định giữa anh (Nguyễn Văn H2) có quan hệ huyết thống bố- con với người có tên sự sinh là Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Khánh L, Nguyễn Hoàng A4 độ tin cậy >99,9999%. Mặc dù, sau khi có kết quả giám định như trên nhưng khi làm thủ tục khai sinh các con của anh vẫn mang họ của anh H1 và giấy khai sinh đều xác định anh H1 là cha, do đó để đảm bảo quyền lợi của các con, chị H có đơn đề nghị xác định anh là cha của 03 con có tên dự sinh Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Khánh L và Nguyễn Hoài A1 (giấy khai sinh Âu Hoàng A2, Âu K và Âu Hoài A3) anh nhất trí và xác định là con đẻ của mình.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/5/2024 bà Dương Thị B (mẹ đẻ anh H1) xác định: Chị Lê Thị Thanh H và anh Âu Xuân H1 kết hôn năm 2007, đến năm 2017 vợ chồng anh H1, chị H sống ly thân, vợ chồng có mâu thuẫn và bỏ đi từ đó không về, giữa anh H1 và chị H cũng không liên hệ gì với nhau từ đó cho đến nay, quá trình chung sống vợ chồng H, H1 có 02 con là Âu Thảo V và Âu Dương P, hiện các con đang ở với anh H1 và bà.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 90, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh H. Xác định anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1992, nơi thường trú: xóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An là cha đẻ của cháu Âu Hoàng A2 (sinh ngày 14/01/2020); Âu Hoài A3, Âu Khánh L1 (đều sinh ngày 18/3/2022); Chị H được miễn án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Thanh H có nơi thường trú tại tổ I, phường T, thành phố T có đơn yêu cầu xác định cha cho con, căn cứ khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ “Tranh chấp xác định cha cho con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2] Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự

[2]. Về nội dung:

[2.1] Ngày 27/8/2021 chị Lê Thị Thanh H và anh Âu Xuân H1 được Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết cho ly hôn theo Bản án số 79/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021. Trong thời gian, còn quan hệ hôn với anh H1, ngày 14/01/2020 chị H sinh được một con gái có tên dự sinh là Nguyễn Hoàng A (theo Giấy chứng sinh số 00201/2020 quyển số 03 của Bệnh viện Đ1 cấp ngày 14/01/2020); Sau khi ly hôn với anh H1, ngày 18/2/2022 chị H sinh được 02 con gái có tên dự sinh là Nguyễn Khánh L (theo Giấy chứng sinh số 205/2022 quyển số 03/2022 của Bệnh viện Đ1 cấp ngày 18/3/2022) và Nguyễn Hoài A1 (theo Giấy chứng sinh số 199/2022 quyển số 03/2022 của Bệnh viện Đ1 cấp ngày 18/3/2022).

[2.2] Theo Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân

2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”

Như vậy, thời điểm cháu bé có tên dự sinh là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/01/2020 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Lê Thị Thanh H và anh Âu Xuân U và các cháu có tên dự sinh Nguyễn Khánh L và Nguyễn Hoài A1 (sinh ngày 18/3/2022) được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân của chị Lê Thị Thanh H và anh Âu Xuân U.

[2.3] Để có căn cứ xác định quan hệ huyết thống ngày 04/8/2023 anh Nguyễn Văn H2 yêu cầu Công ty TNHH Đ2 phân tích AND. Tại Kết quả phân tích ADN số 23495.1CG/DNA ngày 07/8/2023 Kết luận: NGUYỄN VĂN HÙNG CÓ quan hệ huyết thông bố-con với người có tên dự kiến NGUYỄN HOÀNG A5, độ tin cậy > 99,9999%. Tại Kết quả phân tích ADN số 23495.2CG/DNA ngày 07/8/2023 Kết luận: NGUYỄN VĂN HÙNG CÓ quan hệ huyết thông bố -con với người có tên dự kiến NGUYỄN KHÁNH L2, độ tin cậy > 99,9999%. Tại Kết quả phân tích ADN số 23495.3CG/DNA ngày 07/8/2023 Kết luận: NGUYỄN VĂN HÙNG CÓ quan hệ huyết thông bố -con với người có tên dự kiến NGUYỄN HOÀI A6, độ tin cậy > 99,9999%

[2.4] Theo tài liệu do UBND phường T, thành phố T cung cấp thấy: tại Giấy chứng sinh số 00201/2020 quyển số 03 của Bệnh viện Đ1 cấp ngày 14/01/2020 xác định Họ và tên mẹ là Lê Thị Thanh H, H3 và tên C: Nguyễn Văn H2; Dự định đặt tên con là Nguyễn Hoàng A; tại Giấy chứng sinh số Giấy chứng sinh số 199/2022 quyển số 03/2022 của Bệnh viện Đ1 cấp ngày 18/3/2022 xác định Họ và tên mẹ là Lê Thị Thanh H, H3 và tên C: Nguyễn Văn H2; Dự định đặt tên con

là Nguyễn Hoài A1; Tại Giấy chứng sinh số 205/2022 quyền số 03/2022 của Bệnh viện Đ1 cấp ngày 18/3/2022 xác định Họ và tên mẹ là Lê Thị Thanh H, H3 và tên C: Nguyễn Văn H2; Dự định đặt tên con là Nguyễn Khánh L và lần lượt có tên khai sinh là Âu Hoàng A2, sinh ngày 14/01/2020; Âu Hoài A3, sinh ngày 18/3/2022, Âu Khánh L sinh ngày 18/3/2022 có họ và tên mẹ là Lê Thị Thanh H và họ tên cha là Âu Xuân H1. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H2 đều xác nhận 03 cháu Hoàng A2, Khánh L, Hoài A3 là con chung của anh chị; anh Âu Xuân H1 xác định 03 cháu Hoàng A2, Khánh L và Hoài A3 không phải là con đẻ của mình.

[2.5] Từ những đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh H, xác định anh Nguyễn Văn H2 là cha đẻ của Âu sinh ngày 14/01/2020; Âu Hoài A3, sinh ngày 18/3/2022 và Âu Khánh L sinh ngày 18/3/2022 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Thanh H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 89, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Thị Thanh H.

1. Xác định anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1992, căn cước công dân số 040092009078 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/5/2023, quê quán: TT Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, nơi thường trú: K, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An là cha đẻ của 03 cháu:

1.1 Âu Hoàng A2, sinh ngày 14/01/2020 (theo Giấy khai sinh số 99 đăng ký ngày 05/9/2023 tại UBND phường T, thành phố T, cấp số 336/GKS-BS ngày 06/9/2023), dự định đặt tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/01/2020 (theo Giấy chứng sinh số 00201/2020 quyền số 03 ngày 14/01/2020 của Bệnh viện Đ1)

1.2 Âu Khánh L, sinh ngày 18/3/2022 (theo Giấy khai sinh số 101 đăng ký ngày 05/9/2023 tại UBND phường T, thành phố T, cấp số 338/GKS-BS ngày 06/9/2023), dự định đặt tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/3/2022 (theo Giấy chứng sinh số 205/2022 quyền số 03/2022 ngày 18/3/2022 của Bệnh viện Đ1)

1.3 Âu Hoài An, sinh ngày 18/3/2022 (theo Giấy khai sinh số 100 đăng ký ngày 05/9/2023 tại UBND phường T, thành phố T, cấp số 337/GKS-BS ngày 06/9/2023), dự định đặt tên Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 18/3/2022 (theo Giấy chứng sinh số 199/2022 quyền số 03/2022 ngày 18/3/2022 của Bệnh viện Đ1).

2) Anh Nguyễn Văn H2 và chị Lê Thị Thanh H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cải chính hộ tịch cho các con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về án phí: Chị Lê Thị Thanh H được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại chị Lê Thị Thanh H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002693 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

4) Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5) Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND P. T, TPTN;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền